

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày 15 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Liên.
Ông Nguyễn Minh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 26/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

- Hạ Thanh S; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1972; nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hạ A X (đã chết), và con bà Vàng Thị M, sinh năm 1934; có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 7 trong gia đình; có vợ Vàng Thị S, sinh năm 1975 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở NN&PTNT tỉnh Hà Giang; ông Nguyễn Tá S - Viên chức bộ phận Kế hoạch - Kỹ thuật (Có mặt).

- Người bào chữa: Ông Nguyễn Xuân Giang - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất khoảng tháng 12/2020 Hạ Thanh S một mình từ nhà thuộc Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang mang theo 01(một) máy cưa xăng cầm

tay nhãn hiệu FUJIKAWA GASOLINE CHAIN SAW 6200 màu sơn Xanh - Trắng đi lên khu rừng đặc dụng là rừng tự nhiên thuộc Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang mục đích tìm gỗ Nghiến xẻ làm thớt bán lấy tiền tiêu sài. S đi bộ khoảng một tiếng đồng hồ thì phát hiện 01 cây gỗ Nghiến đã bị cắt đổ và khai thác một phần. S sử dụng máy cưa khai thác một đoạn, kích thước dài 0,50 m, rộng 0,70 m, sâu 0,70 m có khối lượng là 0,163 m³ xẻ được 05 cái thớt đường kính 30 cm, dày 0,6 cm. Sau đó vận chuyển về cất dấu tại ven đường cách nhà khoảng 100 mét. Khoảng 05 ngày sau S bán số thớt này cho một người đàn ông không tên tuổi địa chỉ với giá 50.000 đ/01 cái thớt.

Lần thứ 2 cuối tháng 12/2020 Hạ Thanh S một mình tiếp tục đi lên khu rừng trên dùng máy cưa xăng cắt hạ 01 cây gỗ Nghiến thân đứng, còn tươi sống có đường kính gốc khoảng 80 cm, cao khoảng hơn 25 mét. Sau khi cắt đổ S tiến hành xẻ được 30 cái thớt Nghiến (trong đó 15 cái có đường kính 40cm, dày 06cm; 15 cái có đường kính 35cm, dày 06cm) trong thời gian 03 ngày liên tiếp. Sau đó S vận chuyển về cất dấu tại vị trí đã cất dấu 05 cái thớt mà S đã bán trước đó. Sau đó khoảng 03 ngày vào buổi tối, S đã bán 30 cái thớt cho một người đàn ông đi xe máy đến mua không biết tên tuổi địa chỉ với giá 50.000 đ/01 cái thớt loại đường kính 35 cm; 100.000 đ/01 cái thớt đường kính 40 cm. Quá trình S cắt đổ cây Nghiến này đã làm 01 cây gỗ Ràng Ràng có đường kính 50 cm, dài 25m bị bật gốc hoàn toàn và chết.

Ngày 15/9/2021 Hạ Thanh S đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê đầu thú, khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi khai thác trái phép lâm sản xảy ra tại khu rừng đặc dụng thuộc Thôn K, xã M, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 13/6/2021, biên bản xác định hiện trường 16/9/2021 xác định cây gỗ Nghiến có ký hiệu G05 có tổng khối lượng là **14,310m³**, phần Hạ Thanh S khai thác có khối lượng là **0,163m³**; 01 cây gỗ Nghiến có ký hiệu G07 do S cắt đổ khối lượng **6,497m³** và 01 cây Ràng Ràng ký hiệu G08 do cây G07 đổ làm bật gốc chết có khối lượng là **4,909m³**, 03 cây gỗ trên đều thuộc địa phận Thôn K, xã M, huyện B, thuộc tiểu khu 155, khoảnh 6, lô 2; Đối tượng rừng: Thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già là chủ quản lý.

Tại bản kết luận giám định số 368/CNR-VP ngày 27/7/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận đối với mẫu cần giám định ký hiệu M41; M43, M44 cụ thể như sau:

Mẫu ký hiệu M41, M43. Tên gỗ: Nghiến, tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense* (A.Chev.) H.T.Chang&R.H.Miau, nhóm gỗ: II.

Gỗ Nghiến thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm Nhóm IIA theo quy định của nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật rừng, thực vật hoang dã nguy cấp

Mẫu ký hiệu M44. Tên gỗ: Ràng ràng, tên khoa học: *Ormsia sp.*

Gỗ Ràng ràng chưa được xếp nhóm trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” Ban hành kèm theo quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/ 1997 của Bộ lâm nghiệp - nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Loài gỗ Ràng ràng không nằm trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm ban hành kèm theo quy định của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ và Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ. Do vậy là loài thông thường.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐGTTHS, ngày 30/09/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Mê kết luận: 01 đoạn thân cây gỗ Nghiến có khối lượng là **0,163m³** và 01 cây gỗ nghiến có khối lượng **6,497m³** có tổng giá trị là: **67.930.000đ**; 01 cây Ràng Ràng có tổng khối lượng **4,909m³** có giá trị là: **17.180.625đ**.

- **Vật chứng thu giữ:** 02 (hai) cây gỗ Nghiến nhóm IIA có tổng khối lượng là: 20,807m³ (Hai mươi phẩy tám không bảy mét khối).

- 01 (một) cây gỗ Ràng Ràng có khối lượng là: 4,909m³ (Bốn phẩy chín không chín mét khối).

- 01 (một) máy cưa xăng nhãn FUJIKAWA GASOLINE CHAIN SAW 6200 màu sơn Xanh – trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) lam xích dài 78cm;

Đối với 35 cục gỗ dạng thớt Hạ Thanh S đã bán cho một người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) được số tiền 2.500.000đ số tiền trên hiện bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết trong quá trình điều tra không truy thu được.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo Hạ Thanh S bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSBM ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố bị cáo Hạ Thanh S, về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Hạ Thanh S phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hạ Thanh S từ 25 tháng đến 28 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không; Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 (hai) cây gỗ Nghiến nhóm IIA có tổng khối lượng là: 20,807m³ và 01 (một) cây gỗ Ràng ràng có khối lượng là: 4,909m³; 01 (một) máy cưa xăng kèm theo 01 (một) lam xích dài 78cm.

Đối với 35 cục gỗ dạng thót Hạ Thanh S đã bán cho một người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) được số tiền 2.500.000 đ số tiền trên bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết trong quá trình điều tra không truy thu được.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hạ Thanh S miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại luận cứ của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc truy tố, xét xử bị cáo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm e khoản 2 Điều 232 BLHS là đúng người, đúng tội. Đề nghị xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Hưởng mức án thấp nhất theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị, và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Hạ Thanh S, nguyên đơn dân sự nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không có tranh luận gì.

Bị cáo thực hiện lời nói sau cùng xin được giảm án mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trợ giúp viên vắng mặt tại phiên tòa có lý do, gửi bài luận cứ bào chữa cho bị cáo Hạ Thanh S và bị cáo đồng ý xét xử, HĐXX xét thấy việc vắng mặt

trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử, theo quy định Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường tang vật của vụ án, kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Tháng 12/2020 Hạ Thanh S có hành vi khai thác trái phép 01 đoạn của cây gỗ Nghiến nhóm IIA khối lượng là $0,163\text{m}^3$ và khai thác 01 cây gỗ Nghiến thuộc nhóm IIA khối lượng là $6,497\text{m}^3$ tổng khối lượng $6,66\text{m}^3$ trị giá là 67.930.000 đ (*Sáu mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng*). Quá trình khai thác gỗ nghiến làm bật gốc đổ 01 cây Ràng ràng bị chết khối lượng $4,909\text{m}^3$ giá trị là 17.180.625đ (*Mười bảy triệu, một trăm tám mươi nghìn, sáu trăm hai mươi năm đồng*). Vị trí khai thác thuộc tiểu khu 155, khoảnh 6, lô 2, thuộc địa phận Thôn K, xã M, huyện Bắc Mê; loại rừng: Thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt) do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già là chủ quản lý. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm e khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Điều 232 Bộ luật hình sự quy định.

... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...e) *Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 08 mét khối (m^3) đến dưới 15 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 03 mét khối (m^3) đến dưới 10 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng, nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;*

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo biết rằng việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước; làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật, nhưng khi thiếu tiền, gia đình khó khăn bị cáo đã bất chấp pháp luật một mình đi lên khu rừng đặc dụng khai thác gỗ Nghiến để xẻ thốt bán lấy tiền, Trong thời gian 1 tháng bị cáo đã thực hiện liên tiếp 2 lần khai thác gỗ trái phép. Hậu quả thiệt hại 01 đoạn của cây gỗ Nghiến nhóm IIA khối lượng là $0,163\text{m}^3$ và 01 cây gỗ Nghiến thuộc nhóm IIA có khối lượng là $6,497\text{m}^3$ tổng khối lượng là $6,66\text{m}^3$; làm bật gốc hoàn toàn và chết 01 cây Ràng ràng khối lượng $4,909\text{m}^3$. Nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, đã tự giác đến cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Mục đích khai thác gỗ của bị cáo là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật lần nào, chưa có tiền án, tiền sự và là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo khai thác gỗ nhằm mục đích bán lấy tiêu xài cá nhân, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng lại không chọn kiếm tiền bằng con đường lương thiện, mà thực hiện hành vi khai thác trái phép và tiếp diễn đến khi bị phát hiện. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường. HĐXX không xem xét.

[9] Đối với 35 cục gỗ dạng thớt Hạ Thanh S đã bán cho một người đàn ông (*không rõ tên tuổi địa chỉ*) được số tiền 2.500.000 đ số tiền trên hiện đã tiêu sài cá nhân hết trong quá trình điều tra không truy thu được, bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX không truy thu số tiền này.

[10] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị, trợ giúp viên đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[11] Bị cáo Hạ Thanh S đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, HĐXX xét thấy bị cáo xử phạt tù nên cần tiếp tục ra quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo theo quy định tại Điều 123 BLTTHS.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 BLHS thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. HĐXX xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng thi hành. HĐXX xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng: HĐXX căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 cây gỗ Nghiến nhóm IIA khối lượng 20,807 m³ và 01 cây gỗ Ràng ràng khối lượng 4,909 m³; 01 máy cưa xăng kèm theo lam xích dài 78 cm.

[14] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn nộp án phí. HĐXX xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hạ Thanh S phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hạ Thanh S 25 (Hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Hạ Thanh S để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 02 cây gỗ Nghiến nhóm IIA tổng khối lượng là 20,807m³ và 01 cây gỗ Ràng ràng khối lượng là 4,909m³; 01 máy cưa xăng kèm theo 01 lam xích dài 78cm.

(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê).

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hạ Thanh S.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Bắc Mê;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận